TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2019/DS-ST
Ngày: 05-12-2019
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thơ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Bà Lâm Phượng Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 12 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 10 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2019/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp K, xã C, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. Bị đơn: Chị Lê Kim K, sinh năm 1982; địa chỉ: Khu phố 1, thị trấn D, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 10 năm 2019 và các lời khai của của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé T trình bày:

Chị và chị Lê Kim K có quen biết nhau do làm công nhân chung công ty. Trong năm 2018 chị cho chị K vay tiền nhiều lần, mục đích vay tiền để lấy vốn làm ăn, cụ thể các lần vay tiền như sau:

- Ngày 02-8-2018 chị cho chị K vay số tiền 25.000.000 đồng hẹn góp đến 30-9-2018 thì hết.

- Ngày 06-8-2018 chị cho chị K vay 25.000.000 đồng hẹn góp đến 05-10-2018 thì hết.

- Ngày 13-8-2018 chị cho chị K vay chị 25.000.000 đồng hẹn góp đến 11-10-2018 thì hết nợ.

- Ngày 20-8-2018 chị cho chị K vay chị 25.000.000 đồng hẹn góp đến 30-9-2018 thì hết.

Từ ngày 02-8-2018 đến ngày 20-8-2018 chị K vay chị tổng cộng 100.000.000 đồng, không thỏa thuận cụ thể mỗi lần góp bao nhiêu tiền, lãi suất thỏa thuận 10%/tháng nhưng chị K chưa trả cho chị khoản tiền lãi nào. Các lần nhận tiền do chị K ghi giấy nhận tiền và giao chị giữ. Chị K đã góp được tổng cộng 50.000.000 đồng còn nợ lại 50.000.000 đồng.

- Ngày 23-8-2018 chị K vay 40.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau sẽ trả thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Chị K có ghi giấy nợ và ký tên vào giấy nợ giao cho chị giữ.

- Ngày 25-9-2018 chị K vay 50.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau sẽ trả thỏa thuận lãi suất 10%/tháng. Chị K có ghi giấy nợ và ký tên vào giấy nợ giao cho chị giữ. Hai bên thỏa thuận trả tiền mặt không có trả tiền bằng hình thức nào khác. Tổng cộng số nợ chị K còn nợ chị là 140.000.000 đồng. Từ khi vay đến nay chị K không trả cho chị bất cứ khoản tiền lãi nào. Đến hạn trả nợ chị có đến nhà đòi nhiều lần nhưng chị K vẫn không trả và cố tình tránh mặt. Nay chị xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng tiền cho vay góp. Chị chỉ yêu cầu chị K trả cho chị số tiền 90.000.000 đồng, chị không yêu cầu tính lãi và không yêu cầu chồng chị K cùng trả nợ cho chị.

Bị đơn chị Lê Kim K trình bày: Trong năm 2018 chị thừa nhận có vay của chị T số tiền cụ thể như sau :

- Ngày 23-8-2018 chị vay 40.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau sẽ trả thỏa thuận lãi suất 10%/tháng tổng cộng gốc và lãi là 44.000.000 đồng.

- Ngày 25-9-2018 chị vay 50.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sau sẽ trả thỏa thuận lãi suất 10%/tháng tổng cộng gốc và lãi là 55.000.000 đồng.

Tổng cộng chị vay của chị T số tiền 90.000.000 đồng, chị có ký tên vào giấy nợ, chị đã trả xong cho chị T bằng hình thức chuyển khoản qua tài khoản Ngân hàng của chị T. Ngoài ra chị không vay của chị T khoản tiền nào khác. Việc chuyển trả tiền giữa chị và chị T diễn ra đã lâu nên chị không nhớ rõ thời gian và không giữ chứng từ gì. Chị xác định chị chỉ vay chị T 90.000.000 đồng và đã trả xong. Nay chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của chị T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định, không vi phạm về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T đối với chị Lê Kim K; buộc chị K trả cho chị T số tiền 90.000.000 đồng, ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 50.000.000 đồng. Chị K phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện, khách quan yêu cầu, đề nghị của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Chị Lê Kim K đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập nhưng chị K vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt chị K. Chị K phải chịu hậu quả của việc không giao nộp đầy đủ chứng cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 91, Điều 96 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa, chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là số tiền 50.000.000 đồng, chị yêu cầu chị K trả cho chị số tiền 90.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Quá trình giải quyết vụ án, chị K thừa nhận có vay của chị T số tiền 90.000.000 đồng, có ký tên vào giấy nợ, thỏa thuận tiền lãi và thời hạn trả nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản, có thỏa thuận lãi và thời hạn trả. Chị K cho rằng đã trả số tiền 90.000.000 đồng và tiền lãi cho chị T bằng hình thức chuyển khoản Ngân hàng, tuy nhiên chị không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình và chị T cũng không thừa nhận, do đó lời trình bày của chị K là không có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T là có căn cứ và hợp pháp, buộc chị K trả cho chị T số tiền 90.000.000 đồng. Ghi nhận chị T không yêu cầu tính lãi.

[3] Chị T có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị T.

[4]Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên chị T không phải chịu án phí. Chị K phải chịu án phí, cụ thể: 90.000.000 đồng x 5% = 4.500.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 463, 466, 470 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26, 35, 39, 217, 218 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; khoản 4 Điều 26, khoản 4 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Bé T đối với chị Lê Kim K về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Chị Lê Kim K có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị Bé T số tiền 90.000.000 (chín mươi triệu) đồng.

Ghi nhận chị T không yêu cầu tính tiền lãi.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé T đối với chị Lê Kim K về số tiền 50.000.000 đồng.

Chị T có quyền khởi kiện lại theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

3. Về án phí: Buộc chị Lê Kim K phải chịu 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Bé T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho chị T số tiền 3.500.000 (ba triệu năm trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0003787 ngày 08-10-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân 6 sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

5. Chị T được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị K được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- Chi cục THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thơ